

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 21-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Trung Thành

Ông Nguyễn Đình Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 130/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6092/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6675/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH MTV S (Việt Nam).

Địa chỉ: Số P tòa tháp K, lô E6 đường Q, phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hồng Q, địa chỉ: Lầu 3, số 1 đường Nguyễn Văn L, phường Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 402/LC-21 ngày 03 tháng 3 năm 2021).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ.

Địa chỉ: Số 22 đường P, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 9 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hồng Q trình bày:

Căn cứ theo Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 16/01/2015 và các tài liệu kèm theo hồ sơ tín dụng của ông Nguyễn Tấn Đ, Ngân hàng đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Tấn Đ theo chi tiết như sau:

Thông tin khoản vay:

- Khoản vay số : 662984
- Số tiền vay : 300,000,000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*)
- Số tiền giải ngân : 300,000,000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*)
- Ngày giải ngân : 02/02/2016
- Đồng tiền vay vốn : Việt Nam Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng (Đến ngày 02/02/2021)
- Mục đích : Vay tiêu dùng
- Lãi suất vay được quy định như sau:
 - + Lãi suất trong hạn : 17.5%/ năm
 - + Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn

Trong quá trình cho vay, ông Nguyễn Tấn Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù thời hạn khoản vay nêu trên đã đến hạn toàn bộ vào ngày 02/02/2021, cũng như Ngân hàng đã gửi thông báo nợ quá hạn, cử nhân viên nhiều lần liên hệ làm việc với ông Nguyễn Tấn Đ, tuy nhiên đến nay ông Nguyễn Tấn Đ vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với số nợ còn lại.

Ngày 05/02/2018 Ngân hàng chốt khoản vay, thu hồi nợ trước hạn. Tổng số tiền ông Nguyễn Tấn Đ nợ ngân hàng tính đến ngày 05/02/2018 là 248,940,518 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 228,371,339 đồng
- Nợ lãi trong hạn : 19,679,703 đồng
- Lãi phạt và phí : 889,476 đồng

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered đề nghị Tòa án nhân dân Quận 1 buộc:

Ông Nguyễn Tấn Đ trả cho Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) tổng số nợ còn thiếu (gồm nợ gốc, nợ lãi và phạt chậm trả) là 248,940,518 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm hai mươi lăm đồng*) một lần ngay khi Bản án có hiệu lực. Ngân hàng không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 06/02/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn là Ông Nguyễn Tấn Đ không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Tấn Đ, nhưng ông Đ vẫn không có mặt do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và

phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 16/01/2015 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Tấn Đ có hộ khẩu thường trú tại số 22 đường P, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Công an phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết ông Nguyễn Tấn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 22 đường P, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ trên, đã bán nhà và đi đâu không rõ từ tháng 10 năm 2017.

Xét, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Cư trú, nên địa chỉ số 22 đường P, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng.

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn thường trú tại 22 đường P, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 16/01/2015, bảng tóm tắt sao kê thì nguyên đơn thỏa thuận cấp cho bị đơn khoản vay tiêu dùng cá nhân là 300.000.000 đồng. Khoản tiền trên đã được giải ngân cho bị đơn vào ngày 02 tháng 02 năm 2016. Việc cấp khoản vay được thực hiện theo Điều khoản và điều kiện khoản vay tiêu dùng cá nhân có hiệu lực từ ngày 18 tháng 4 năm 2020 của Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 407, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005, đây là loại hợp đồng theo mẫu được ký kết đúng theo quy định của pháp luật.

Theo Tóm tắt sao kê và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trong quá trình sử dụng khoản vay, ông Nguyễn Tấn Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TNHH MTV S đã thông báo chấm dứt khoản vay, thu hồi nợ trước hạn. Tổng số tiền gốc, lãi, phí bị đơn nợ nguyên đơn được nguyên đơn chốt ngày 05/02/2018 là 248,940,518 đồng.

Theo Điều 9 Điều khoản và điều kiện khoản vay tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng TNHH MTV S (Đơn vị cấp tín dụng) có hiệu lực từ ngày 18 tháng 4 năm 2020 bất kỳ khoản thanh toán gốc, lãi của các khoản vay, và/hoặc bất kỳ khoản tiền nào phải trả theo hợp đồng vay và các điều khoản và điều kiện khoản vay tiêu dùng cá nhân này không được trả khi đến hạn thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Bên vay dưới hình thức thông báo bằng văn bản gửi đến Bên Vay (nội dung thông báo sẽ tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn), ngay lập tức thanh toán (các) Khoản vay và lãi tính trên (các) Khoản Vay còn nợ và chưa được thanh toán, và tất cả các phí và khoản tiền khác phải trả liên quan đến (các) Khoản Vay.

Căn cứ quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Theo đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 16/01/2015 và Điều khoản và điều kiện khoản vay tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng TNHH MTV S, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 05/02/2018 được tính đúng theo thỏa thuận của hai bên.

Từ những nhận định trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán 228.371.339 đồng nợ gốc và 19.679.703 đồng nợ lãi trong hạn, 889.476 đồng lãi phạt và phí; tổng cộng là 248.940.518 đồng.

Ngân hàng không yêu cầu bị đơn trả lãi từ sau ngày 05/02/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu 12.447.024 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV S.

Buộc Ông Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TNHH MTV S số tiền 248.940.518 đồng tính đến ngày 05 tháng 02 năm 2018 (gồm 228.371.339 đồng nợ gốc và 19.679.703 đồng nợ lãi trong hạn, 889,476 đồng lãi phạt và phí).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.447.024 đồng.

Hoàn lại Ngân hàng TNHH MTV S số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 6.223.513 đồng theo biên lai số AA/2019/0030575 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Phúc Hảo